|  |  |
| --- | --- |
| **CODEGYM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÀI HỌC NGÀY 12.07.2021**

**Học viên:** Trần Tiến Dũng

**Lớp:** C0621G1

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU ĐIỀU KIỆN IF/IF..ELSE** | |
| 1. **Câu điều kiện IF/IF…ELSE**   - *Mục tiêu*   * *Câu lênh điều khiển* * *Câu lệnh điều kiện* * *Câu lệnh if* * *Câu lệnh if-else* * *Câu lệnh if lồng nhau (nested if)*  1. **Câu lệnh switch-case**  * *Định nghĩa* * *Mô tả* * *Gộp nhiều case* * *Biểu thức điều kiện* | **+** Trình bày được câu lệnh điều kiện  + Mô tả cú pháp của câu lệnh if, if – else, if lồng nhau, if bậc thang  + Trình bày cú pháp câu lệnh switch-case  + So sánh giữa if bậc thang và switch-case  + Trình bày được biểu thức điều kiện  + Sử dụng được câu điều kiện if, if – else, if lồng nhau, if bậc thang  + Sử dụng được câu lệnh điều kiện switch-case  + Sử dụng được biểu thức điều kiện  + Sử dụng được từ khóa break, default  + Một trương trình thực thi các câu lệnh theo trật tự từ trên xuống dưới  + Có thể thay đổi luồng thực thi của một chương trình bằng cách sử dụng các câu lệnh điều khiển luồng (control flow statement)  + Các câu lệnh điều khiển của JavaScript:   1. Câu lệnh điều kiện (Conditional statement) 2. Câu lệnh lặp (Loop statement) 3. Câu lệnh nhảy (Jump statement)   + Câu lệnh điều kiện còn được gọi là câu lệnh ra quyết định (decision making)  + Cho phép thay đổi luồng thực thi của chương trình  + Lựa chọn thực thi một khối lệnh dựa trên việc đánh giá một điều kiện cho trước  + JavaScript hỗ trợ các câu lệnh điều kiện: if, switch-case  + Đánh giá một điều kiện và đưa ra lựa chọn thực thi một khối lệnh dựa trên điều kiện đó  + Nếu điều kiện có giá trị đúng (true) thì khối lệnh bên trong if sẽ được thực thi  + Nếu điều kiện có giá trị sai (false) thì khối lệnh bên trong if sẽ được bỏ qua. Luồng thực thi sẽ chuyển xuống ngay sau khối lệnh if.  + Cú pháp:  If (condition) {  // one or more statement;  }  Trong đó:   1. Condition: là biểu thức trả về giá trị kiểu boolean 2. Statement: các câu lệnh sẽ được thực thi nếu điều kiện trả về **true**   + Câu lệnh if-else lựa chọn thực thi 1 trong 2 khối lệnh thông qua việc đánh giá 1 điều kiện  + Cú pháp:  If (condition) {  //one or more statement;  } else {  // one or more statement ;  }  Trong đó:   1. Condition: điều kiện để đánh giá. Nếu condition trả về true thì khối lệnh bên trong if được thực thi. Nếu condition trả về false thì khối lệnh trong else được thực thi.   + Một câu lệnh if có thể được đặt trong câu lệnh if khác:  if (condition1) {  if (condition2) {  True-block statement (s);  else {  False-block statement (s) ;  }  }  else {  False-block statement (s);  }  + Là một cấu trúc điều kiện cho phép lựa chọn thực thi các khối lệnh khác nhau dựa trên kết quả của việc so sánh  + So sánh giá trị của một biến với lần lượt từng giá trị một, nếu có giá trị phù hợp với biến thì khối lệnh tương ứng sẽ được thực thi  + Không thể thay thế if-else trong tất cả các trường hợp  + Cú pháp:  Switch (biểu thức) {  Case n:  Khối lệnh được thực thi  Break;  Case m:  Khối lệnh được thực thi  Break;  Default:  Khối lệnh mặc định được thực thi nếu không chọn được trường hợp nào  + Giá trị của biểu thức sẽ được so sánh với từng trường hợp (case)  + Nếu có trường hợp bằng nhau thì khối lệnh tương ứng sẽ được thực thi  + Nếu gặp câu lệnh break thì sẽ kết thúc thực thi khối switch-case  + Nếu gặp trường hợp bằng nhau, nhưng sau đó không có câu lệnh break thì tất cả những khối lệnh phía sau cũng được thực thi  + Nếu không có trường hợp nào bằng nhau thì khối lệnh trong default (nếu có) sẽ được thực thi  + Có thể lựa chọn thực thi một khối lệnh nếu giá trị bằng với một trong số nhiều case được gộp lại với nhau  + Biểu thức điều kiện đánh giá một biểu thức dựa vào một điều kiện cho trước  + Biểu thức điều kiện là một toán tử 3 ngôi  + Cú pháp:  Condition ? expression\_true\_case : expression\_false\_case  Trong đó:   1. Condition: biểu thức điều kiện dùng để đánh giá 2. Expression\_true\_case: biểu thức sẽ được sử dụng trong trường hợp **true** 3. Expression\_false\_case: biểu thức sẽ được sử dụng trong trường hợp **false** |
| **Tóm tắt nội dung:**   * Các câu lệnh điều khiển giúp điều hướng luồng thực thi của ứng dụng * Java hỗ trợ các câu lệnh điều khiển: điều kiện, lặp, nhảy * Java hỗ trợ các câu lệnh điều kiện: if và switch-case * Một số dạng khác của if:   + if-else  + if-else lồng nhau  + if-else bậc thang   * Switch-case là một cấu trúc điều kiện cho phép lựa chọn thực thi các khối lệnh khác nhau dựa trên kết quả của việc so sánh * Cần lựa chọn sử dụng switch-case và if phù hợp từng tình huống | |